

Số: 233 /QĐ-TCĐGL

Gia Lai, ngày 26 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức học phí đối với học sinh, sinh viên
Chính quy và ngoài chỉ tiêu kế hoạch được giao năm học 2025-2026**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo”;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND của UBND tỉnh Gia Lai về việc thành lập, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính; Trưởng phòng Công tác Học sinh, Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức học phí đối với hệ đào tạo chính quy và học phí thỏa thuận (ngoài chỉ tiêu kế hoạch được giao) năm học 2025-2026 theo khối ngành đào tạo như sau:

ĐVT: đồng/tháng/HSSV

Số TT	Ngành nghề đào tạo	Học phí chính quy	Học phí thỏa thuận (ngoài chỉ tiêu kế hoạch được giao)	Ghi chú
1	Nhóm ngành/ nghề: Nông, Lâm, Ngư nghiệp và thú y: Công nghệ sinh học, thú y, chăn nuôi, khuyến nông lâm, bảo vệ thực vật...	552.000	1.400.000	
2	Nhóm ngành/ nghề Khoa học xã hội, nghệ thuật, kinh doanh và quản lý: Công tác xã hội, Văn thư lưu trữ, Văn thư hành chính, Kế	534.750	1.360.000	

Số TT	Ngành nghề đào tạo	Học phí chính quy	Học phí thỏa thuận (ngoài chỉ tiêu kế hoạch được giao)	Ghi chú
	<i>toán doanh nghiệp, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống, nhạc cụ phương tây; thanh nhạc, dàn dựng nghệ thuật quần chúng; Mỹ thuật ứng dụng, vẽ, hội họa.</i>			
3	Nhóm ngành/ nghề Dịch vụ, du lịch và môi trường: <i>Quản trị khách sạn, Hướng dẫn viên du lịch.</i>	668.150	1.700.000	
4	Nhóm ngành/ nghề Kỹ thuật, công nghệ: <i>Nghề hàn, cắt gọt kim loại, KT máy nông nghiệp, sửa chữa xe gắn máy, CN ô tô, điện, Tin học, Kỹ thuật may thời trang.</i>	801.550	2.040.000	
5	Nhóm ngành/ nghề: Sản xuất chế biến và xây dựng: <i>Kỹ thuật chế biến món ăn, KT xây dựng</i>	768.200	1.955.000	
6	Nhóm ngành/ nghề sức khỏe: <i>Điều dưỡng, Dược.</i>	934.950	2.380.000	

Điều 2. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Công tác Học sinh - Sinh viên, Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng, Trưởng Phòng Quản trị- Vật tư và thiết bị, Trưởng các khoa nghề, Giám đốc các Trung tâm, các đơn vị liên quan, các giáo viên chủ nhiệm và học sinh, sinh viên đang học tại trường năm học 2025-2026 chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Gia Lai (B/C);
- Các đơn vị, cá nhân tại điều 2 (T/h);
- Lưu: VT, KHTC.



HIỆU TRƯỞNG

PHẠM VĂN ĐIỀU